

Hướng dẫn giải và trả lời câu hỏi sách bài tập toán Kết nối tri thức (KNTT) lớp 3 tập 1 Bài 15: Luyện tập chung trang 41, 42, 43 chính xác nhất, mời các em học sinh và phụ huynh tham khảo.

**Giải VBT Toán lớp 3 KNTT Bài 15 Tiết 1 trang 41, 42**

**Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 41 Bài 1: Tính nhẩm.**

a)  $7 \times 4 = \dots\dots$        $8 \times 6 = \dots\dots$        $9 \times 5 = \dots\dots$        $6 \times 9 = \dots\dots$

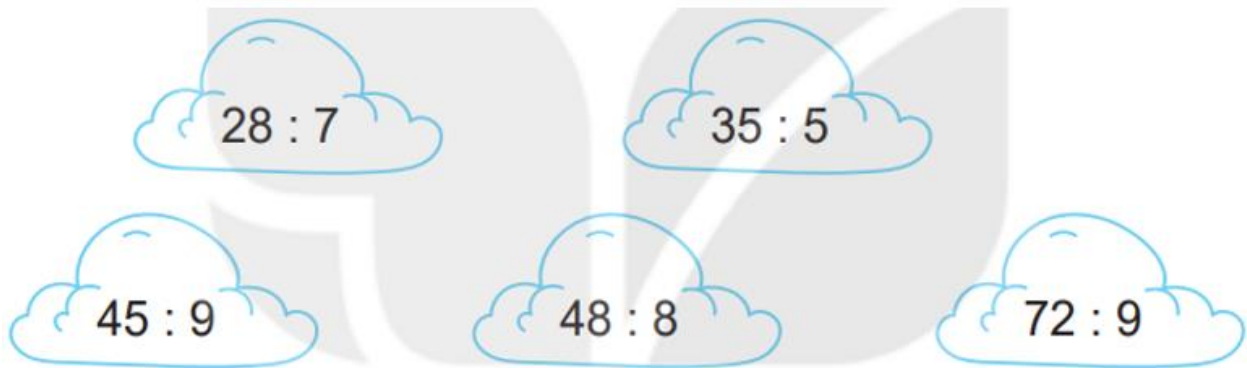
b)  $5 \times 8 = \dots\dots$        $4 \times 9 = \dots\dots$        $8 \times 8 = \dots\dots$        $3 \times 7 = \dots\dots$

**Lời giải:**

a)  $7 \times 4 = 28$        $8 \times 6 = 48$        $9 \times 5 = 45$        $6 \times 9 = 54$

b)  $5 \times 8 = 40$        $4 \times 9 = 36$        $8 \times 8 = 64$        $3 \times 7 = 21$

**Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 41 Bài 2: Tô màu vào những đám mây ghi phép tính có kết quả bé hơn 7.**



**Lời giải:**

Nhẩm lại bảng chia để tính kết quả của các phép tính và tìm ra các phép tính có kết quả nhỏ hơn 7.

Ta có:  $28 : 7 = 4$

$35 : 5 = 7$

$$45 : 9 = 5$$

$$48 : 8 = 6$$

$$72 : 9 = 8$$

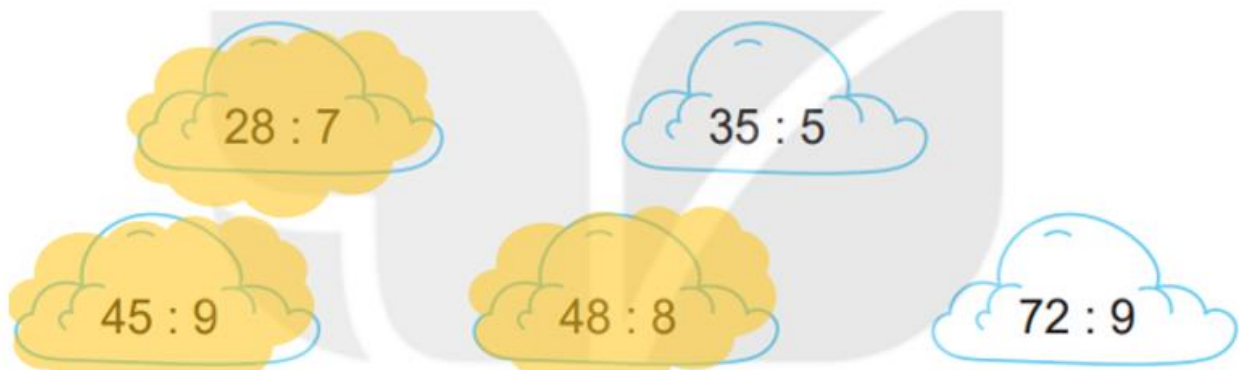
Vậy các phép tính có kết quả nhỏ hơn 7 là:

$$28 : 7 \text{ (vì } 4 < 7\text{);}$$

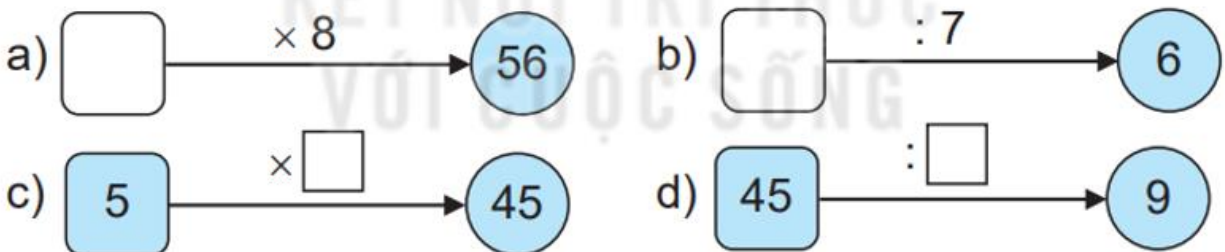
$$45 : 9 \text{ (vì } 5 < 7\text{);}$$

$$48 : 8 \text{ (vì } 6 < 7\text{)}$$

Ta tô màu như sau:



Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 41 Bài 3: Số?



**Lời giải:**

Muốn tìm số hạng chưa biết, ta lấy tích chia cho số hạng còn lại.

Muốn tìm số bị chia, ta lấy thương nhân với số chia.

Muốn tìm số chia, ta lấy số bị chia chia cho thương.

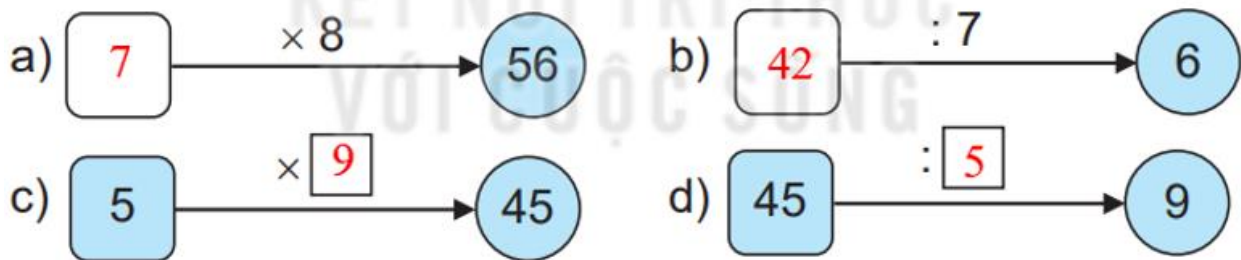
a) Số cần tìm là:  $56 : 8 = 7$ .

b) Số cần tìm là:  $6 \times 7 = 42$ .

c) Số cần tìm là:  $45 : 5 = 9$ .

d) Số cần tìm là:  $45 : 9 = 5$ .

Ta điền như sau:



**Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 41 Bài 4:** Mai xếp mỗi bàn 6 cái li và xếp 8 bàn như vậy. Hỏi Mai xếp tất cả bao nhiêu cái li?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Lời giải:**

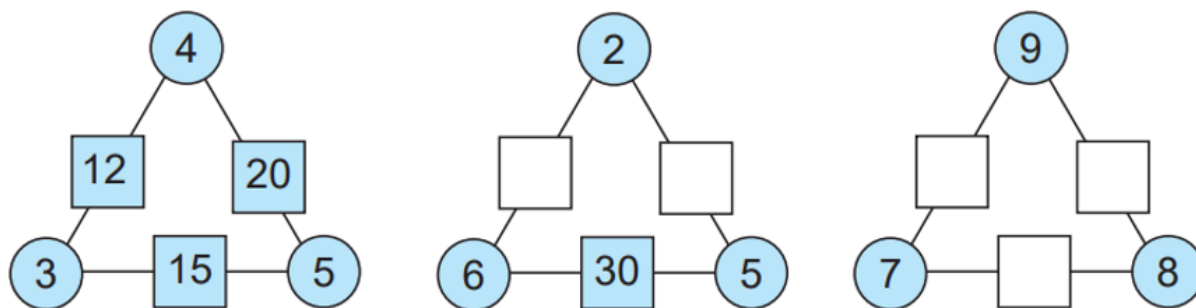
Tóm tắt      Bài giải

1 bàn: 6 cái li      Mai xếp tất cả số cái li là:

8 bàn: ... cái li?  $6 \times 8 = 48$  (cái)

Đáp số: 48 cái li

**Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 42 Bài 5: Số?**



**Lời giải:**

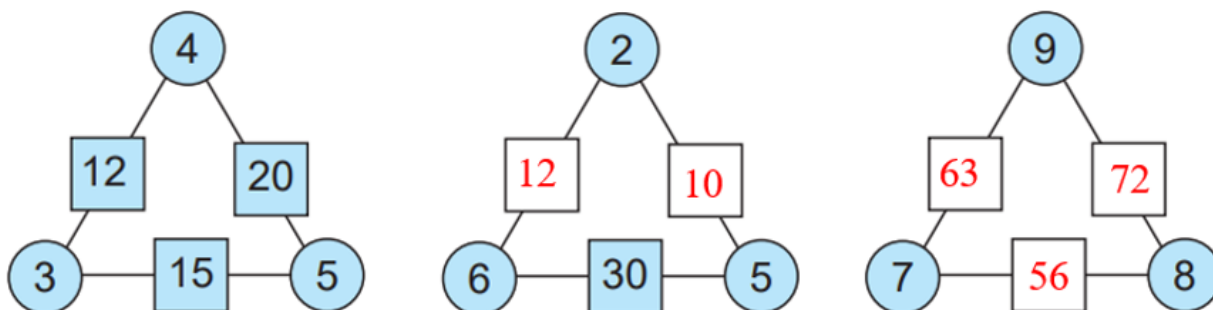
Ta thấy:  $3 \times 4 = 12$

$$3 \times 5 = 15$$

$$4 \times 5 = 20$$

Ta nhận thấy quy luật: Tích của hai số trong hình tròn chính bằng số ở giữa.

Thực hiện tương tự với hai hình còn lại, ta điền vào ô trống như sau:



**Giải VBT Toán KNTT lớp 3 trang 42, 43 Bài 15 Tiết 2****Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 42 Bài 1: Tính nhẩm.**

$5 \times 7 = \dots$        $6 \times 8 = \dots$        $9 \times 7 = \dots$        $8 \times 4 = \dots$

$7 \times 5 = \dots$        $8 \times 6 = \dots$        $7 \times 9 = \dots$        $4 \times 8 = \dots$

$35 : 5 = \dots$        $48 : 6 = \dots$        $63 : 9 = \dots$        $32 : 8 = \dots$

$35 : 7 = \dots$        $48 : 8 = \dots$        $63 : 7 = \dots$        $32 : 4 = \dots$

**Lời giải:**

$5 \times 7 = 35$        $6 \times 8 = 48$        $9 \times 7 = 63$        $8 \times 4 = 32$

$7 \times 5 = 35$        $8 \times 6 = 48$        $7 \times 9 = 63$        $4 \times 8 = 32$

$35 : 5 = 7$        $48 : 6 = 8$        $63 : 9 = 7$        $32 : 8 = 4$

$35 : 7 = 5$        $48 : 8 = 6$        $63 : 7 = 9$        $32 : 4 = 8$

**Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 42 Bài 2:** Mẹ của Nam mua về 21 quả cam. Mẹ bảo Nam xếp cam vào các đĩa, mỗi đĩa 7 quả. Hỏi Nam xếp được bao nhiêu đĩa cam như vậy?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Lời giải:**

Tóm tắt

Bài giải

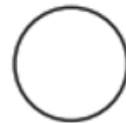
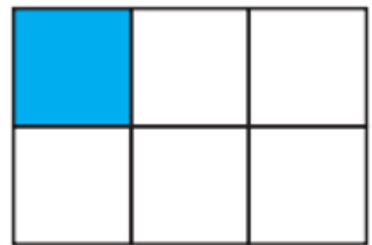
7 quả cam: 1 đĩa    Nam xếp được số đĩa cam là:

21 quả cam: ... đĩa?  $21 : 7 = 3$  (đĩa)

Đáp số: 3 đĩa cam

**Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 42, 43 Bài 3:**

a) Viết dấu “x” vào ô trống dưới hình đã tô màu 1/6 hình đó.



b) Số?

• 1818 số ngôi sao là  ngôi sao;• 1414 số ngôi sao là  ngôi sao.

**Lời giải:**

a) + Hình 1 được chia thành 6 phần bằng nhau. Tô màu 1 phần.

Vậy đã tô màu vào 1/6 hình 1.

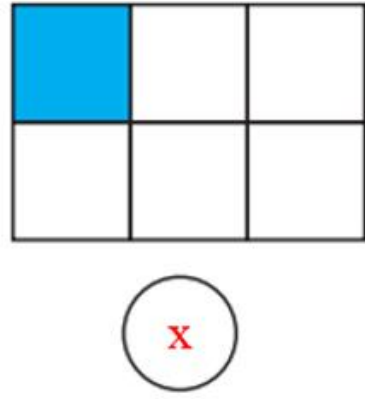
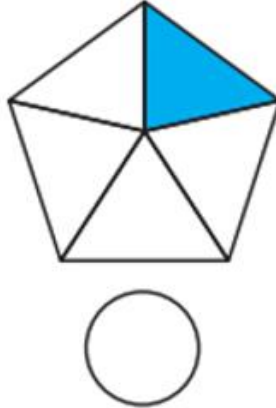
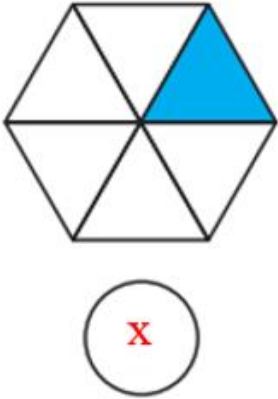
+ Hình 2 được chia thành 5 phần bằng nhau. Tô màu 1 phần.

Vậy đã tô màu vào 1/5 hình 2.

+ Hình 3 được chia thành 6 phần bằng nhau. Tô màu 1 phần.

Vậy đã tô màu vào 1/6 hình 3.

Ta điền dấu "x" vào ô trống như sau:



b) Hình trên có tất cả 24 ngôi sao.

• 1818 số ngôi sao là:

$$24 : 8 = 3 \text{ (ngôi sao)}$$

• 1414 số ngôi sao là:

$$24 : 4 = 8 \text{ (ngôi sao)}$$

**Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 43 Bài 4:** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Phép tính nào dưới đây có kết quả lớn nhất?

A.  $6 \times 5$

B.  $4 \times 7$

C.  $3 \times 9$

D.  $8 \times 4$

b) Phép tính nào dưới đây có kết quả bé nhất?

A.  $16 : 2$

B.  $42 : 6$



C.  $70 : 7$

D.  $72 : 8$

**Lời giải:**

a) Đáp án đúng là: D

Ta có:

$$6 \times 5 = 30$$

$$4 \times 7 = 28$$

$$3 \times 9 = 27$$

$$8 \times 4 = 32$$

Vì  $32 > 30 > 28 > 27$  nên số lớn nhất trong 4 số trên là 32, kết quả của phép nhân  $8 \times 4$ .

Vậy phép tính  $8 \times 4$  có kết quả lớn nhất.

b) Đáp án đúng là: B

Ta có:

$$16 : 2 = 8$$

$$42 : 6 = 7$$

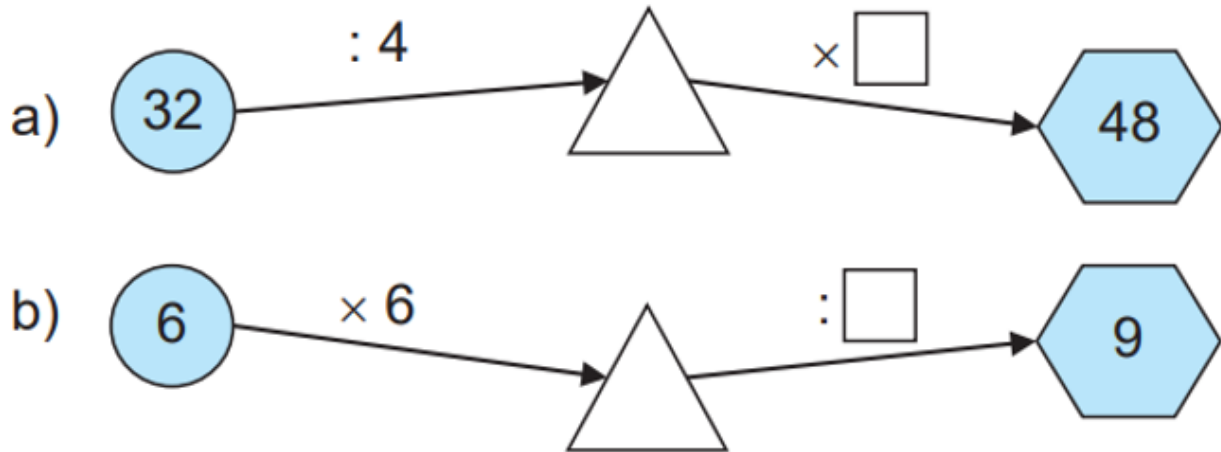
$$70 : 7 = 10$$

$$72 : 8 = 9$$

Vì  $7 < 8 < 9 < 10$  nên số bé nhất trong 4 số trên là 7, kết quả của phép chia  $42 : 6$ .

Vậy phép tính  $42 : 6$  có kết quả bé nhất.

**Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 1 trang 43 Bài 5: Số?**



**Lời giải:**

Thực hiện tính toán lần lượt theo thứ tự từ trái qua phải để điền số thích hợp vào ô trống.

a) Ta có:  $32 : 4 = 8$

$$8 \times ? = 48$$

Số cần tìm là:  $48 : 8 = 6$

Vậy số cần điền vào ô trống lần lượt là 8; 6.

b) Ta có:  $6 \times 6 = 36$

$$36 : ? = 9$$

Số cần tìm là:  $36 : 9 = 4$ .

Vậy hai số cần điền vào ô trống là 6; 4.

Ta điền số vào ô trống như sau:

